

Số: 114 /BC-UBND

Châu Thành, ngày 28 tháng 5 năm 2019

SỞ NỘI VỤ TỈNH SÓC TRĂNG

ĐẾN Số: 5088
Ngày: 29/5/2019

Chuyển:
Lưu hồ sơ số:

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện cải cách hành chính 6 tháng năm 2019 trên địa bàn huyện Châu Thành

Thực hiện Kế hoạch số 04/KH-UBND, ngày 14/01/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc thực hiện cải cách hành chính năm 2019 huyện Châu Thành;

Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính (CCHC) 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2019, cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 14/01/2019 về việc thực hiện cải cách hành chính năm 2019 huyện Châu Thành, trong đó giao 21 nhiệm vụ cụ thể trong năm cho từng cơ quan chuyên môn, các đơn vị thực hiện, đến nay đã đạt được 10 nhiệm vụ (10/21 nhiệm vụ, đạt 47%).

Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành văn bản thống nhất cho cơ quan chuyên môn lắp đặt bản pano tuyên truyền thủ tục hành chính (TTHC) mức độ 3, 4 tại trụ sở UBND các xã, thị trấn và Công văn đồng ý cho phép in ấn tờ rơi tuyên truyền dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 để tuyên truyền đến người dân, tổ chức và doanh nghiệp trên địa bàn huyện. Đã tổ chức cấp phát cho các xã, thị trấn 5.000 tờ rơi về tuyên truyền dịch vụ công và 18 bảng tuyên truyền. Ban hành văn bản triển khai thực hiện Đề án công vụ trên địa bàn huyện Châu Thành. Kiện toàn Ban Chỉ đạo CCHC của huyện. Ban hành văn bản chỉ đạo tăng cường công tác kiểm tra công vụ, kiểm tra thời gian làm việc tại Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và cơ quan đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện

Trong 6 tháng đầu năm, Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành các Kế hoạch:

- Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2019 (Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 15/01/2019).

- Kế hoạch cải cách hành chính năm 2019 (Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2019).

- Kế hoạch hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính (Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 17/01/2019).

- Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính (Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 12/02/2019).

- Kế hoạch quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý VPHC trên địa bàn huyện (Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 12/02/2019).

- Kế hoạch Đánh giá chất lượng nội bộ Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành năm 2019 (Kế hoạch 54/KH-UBND ngày 16/4/2019).

- Kế hoạch Thực hiện duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành năm 2019 (Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 16/4/2019).

- Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 11/02/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc kiểm tra cải cách hành chính năm 2019.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC:

1. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính:

1.1 Công tác cải cách thủ tục hành chính:

Ủy ban nhân dân huyện đã thực hiện việc tiếp nhận dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trên địa bàn huyện (có 68 thủ tục đang được triển khai).

Đối với cấp xã có 8/8 xã (đạt 100%) thực hiện đầy đủ hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính; đồng thời huyện đã quyết định phân công cán bộ đầu mối huyện, xã, thị trấn đảm bảo đủ số lượng, cơ cấu hợp lý, trình độ chuyên môn và năng lực thực hiện công tác kiểm soát TTHC.

Hiện nay trên địa bàn huyện thực hiện niêm yết bảng các loại thủ tục hành chính tại Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả hồ sơ tại huyện.

Số lượng TTHC đã niêm yết công khai trên cổng thông tin điện tử 269 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện.

Thực hiện Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo thực hiện đăng tải công khai các thông tin về địa chỉ, email, số điện thoại của cơ quan tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị để kịp thời tiếp nhận xử lý phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, thông báo rộng rãi đến các xã, thị trấn. Tuy nhiên từ đầu năm đến nay Ủy ban nhân dân huyện không nhận được phản ánh, kiến nghị của các tổ chức, cá nhân, liên quan đến các quy định hành chính.

1.2 Cải cách tổ chức bộ máy

Năm 2019, Ủy ban nhân dân huyện đã giao cho cơ quan chuyên môn cấp huyện 87 biên chế hành chính trong các cơ quan, chuyên môn; Tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Châu

Thành gồm 1.232. Số lượng biên chế hành chính và biên chế viên chức được sử dụng đúng theo số lượng của Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Ủy ban nhân dân huyện cũng đã Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 15/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp, chế độ hỗ trợ đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp, khóm, mức khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở ấp, khóm trên địa bàn huyện Châu Thành.

1.3 Công tác xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức:

Căn cứ Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt danh mục vị trí việc làm của đơn vị sự nghiệp công lập, Ủy ban nhân dân huyện đã xây dựng vị trí việc làm của đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn huyện Châu Thành

Ban hành Kế hoạch đào tạo cán bộ, công chức, viên chức năm 2019, trong 06 tháng, Ủy ban nhân dân huyện đã tổ chức các lớp tập huấn khen thưởng, tôn giáo cho cán bộ, công chức, viên chức từ huyện đến xã.

Ban hành Kế hoạch định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức theo Nghị định số 158/2007/NĐ-CP và Nghị định số 150/2013NĐ-CP trên địa bàn huyện Châu Thành.

- Về chất lượng cán bộ, công chức cấp xã:

+ Số lượng cán bộ đạt chuẩn theo quy định là 76/83 tổng số cán bộ hiện có mặt (đạt tỷ lệ 92%)

+ Số lượng công chức đạt chuẩn theo quy định là 96/96 tổng số cán bộ hiện có mặt (đạt tỷ lệ 100%)

1.4 Công tác cải cách tài chính công:

Chỉ đạo các đơn vị, phòng ban chuyên môn trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ trong đơn vị mình. Hiện có 12 phòng ban chuyên môn và 08 đơn vị cấp xã đã triển khai thực hiện theo Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ. Có 45 đơn vị sự nghiệp triển khai thực Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

- Số lượng đơn vị sự nghiệp trực thuộc đã ban hành quy chế chi tiêu nội bộ là 45/45 đơn vị, đạt 100%. Việc công khai minh bạch về quản lý ngân sách tại các đơn vị sự nghiệp công lập được các đơn vị thực hiện tốt như công khai về tình hình tài chính, công khai về tổ chức biên chế của đơn vị.

- Số lượng đơn vị xây dựng mức chi tăng thu nhập dựa trên mức độ hoàn thành nhiệm vụ là 75 đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý (trong đó 22 phòng, ban

ngành, 08 đơn vị cấp xã và 45 đơn vị sự nghiệp), đạt tỷ lệ 100% trên tổng số đơn vị đã thực hiện chi tăng thu nhập trong kỳ.

- Các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp và Ủy ban nhân dân cấp xã đều sử dụng phần mềm Misa quản lý ngân sách, quản lý tài sản tại đơn vị. Việc sử dụng công nghệ thông tin vào quản lý ngân sách góp phần nâng cao công tác quản lý, điều hành của đơn vị.

1.5 Hiện đại hóa nền hành chính nhà nước

Đầu năm, Ủy ban nhân dân huyện đã xây dựng Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước năm 2019 trên địa bàn huyện. Qua triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân cấp xã đã thực hiện quản lý văn bản điện tử, đồng thời phân công 01 công chức Văn phòng HĐND-UBND huyện phụ trách lĩnh vực công nghệ thông tin của huyện, phụ trách quản lý phần mềm Một cửa điện tử, Cổng thông tin điện tử, phần mềm quản lý văn bản và điều hành.

Trong 6 tháng đầu năm, Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành và triển khai kế hoạch Đánh giá chất lượng nội bộ Hệ thống quản lý chất lượng, Kế hoạch thực hiện duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015. Ban hành Mục tiêu chất lượng và chính sách chất lượng.

1.6 Kết quả thực hiện Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 28/12/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và triển khai thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ

- Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện: Đầu năm 2019, Ủy ban nhân dân huyện đã có Công văn chỉ đạo tăng cường công tác kiểm tra công vụ, kiểm tra thời gian làm việc tại Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và cơ quan đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện, Công văn chỉ đạo về việc xử lý hồ sơ trên hệ thống phần mềm Một cửa điện tử của các đơn vị.

- Tình hình thực hiện văn hóa công sở: Có 100% cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện hàng ngày thực hiện đeo thẻ công chức khi thực thi công vụ. Riêng đối với các xã, thị trấn việc đeo thẻ công chức có bước chuyển biến tích cực. Đặc biệt, hầu hết Lãnh đạo của các cơ quan, đơn vị từ huyện đến xã, thị trấn đều gương mẫu, thực hiện nghiêm việc đeo thẻ công chức khi thực thi công vụ đúng quy định của Bộ Nội vụ

- Về trang phục, tác phong của cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện nhiệm vụ gọn gàng, lịch sự. Ủy ban nhân dân huyện đã quy định mặc trang phục theo quy định thống nhất vào các ngày thứ Hai và thứ Sáu trong tuần.

- Trong giao tiếp ứng xử với nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức có thái độ tôn trọng, nhã nhặn, lắng nghe ý kiến, giải thích, hướng dẫn rõ ràng, cụ thể về các quy định liên quan đến giải quyết công việc, không những nhiều, gây khó

khăn, phiền hà khi thực hiện nhiệm vụ; trong giao tiếp và ứng xử với đồng nghiệp, cán bộ, công chức, có thái độ trung thực, thân thiện, phối hợp thực hiện nhiệm vụ.

- Nâng cao hiệu quả thời giờ làm việc tại cơ quan, đơn vị: Các cơ quan, đơn vị đều chấp hành nghiêm Chỉ thị số 10/CT-UBND, ngày 28/12/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng. Tận tình hướng dẫn khi tổ chức, cá nhân đến liên hệ công việc; giải quyết công việc công khai, đúng thời hạn, đúng thủ tục theo quy định; không uống rượu, bia trong giờ làm việc, kể cả buổi trưa các ngày làm việc hoặc khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ.

- Gương mẫu thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức

+ Những chuẩn mực xử sự của cán bộ, công chức, viên chức trong thi hành nhiệm vụ, công vụ: Khi thực thi nhiệm vụ, luôn chấp hành quyết định của cấp trên. Trong giải quyết công việc, có trách nhiệm hướng dẫn công khai, minh bạch quy trình thực hiện; trong giao tiếp tại công sở cán bộ, công chức, viên chức có thái độ lịch sự, hòa nhã, văn minh, đảm bảo thông tin trao đổi đúng nội dung công việc; không trốn tránh, dùn đẩy trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ.

+ Công tác tiếp nhận và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh của công dân được lãnh đạo quan tâm, chỉ đạo thực hiện. Các đơn thư khiếu nại, tố cáo được gửi đến cơ quan đều được phân loại và có ý kiến phản hồi, xử lý kịp thời các đơn thư không để tình trạng tồn đọng.

- Đối với việc tuân thủ quy định về chế độ hội họp: Từ đầu năm đến nay, Ủy ban nhân dân huyện đã lồng ghép tất cả Hội nghị triển khai kế hoạch, sơ, tổng kết các nhiệm vụ như: Hội nghị Thành viên Ủy ban nhân dân gắn với Sơ kết Nông thôn mới, Hội nghị Thành viên Ủy ban nhân dân gắn với Sơ kết an toàn giao thông... đồng thời cắt giảm nhiều cuộc họp không cần thiết, tập trung giải quyết công việc trực tiếp với các ngành có liên quan nhằm nâng cao hiệu quả và tiết kiệm thời giờ làm việc. Chỉ đạo các ngành, các xã, thị trấn tuân thủ các quy định về chế độ hội họp, các cuộc họp Sơ kết tổ chức khoa học, tổ chức trong nội bộ ngành và các cơ quan phối hợp, đảm bảo nội dung, chất lượng cuộc họp.

Kết quả đến nay: Đối với các cuộc họp do Ủy ban nhân dân huyện tổ chức luôn đảm bảo nội dung ngắn gọn, đi vào trọng tâm, mời đúng, đủ thành phần dự họp, trong gợi ý thảo luận, Thường trực Ủy ban nhân dân huyện luôn xoáy vào trọng tâm các nội dung công việc cần tập trung giải quyết. Đối với các ngành chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, việc tổ chức Sơ kết chỉ thực hiện trong nội bộ ngành, hạn chế tối thiểu mời thành phần dự họp không cần thiết đã góp phần đáng kể trong việc nâng cao hiệu quả và chất lượng của cuộc họp.

III. NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

- Một số cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chưa chú trọng quan tâm đến công tác cải cách hành chính, công tác tuyên truyền cải cách hành chính chưa đi vào chiều sâu, trong tổ chức thực hiện có lúc thiếu kiểm tra.

- Một số thủ tục tỉnh đã quy định thời gian thực hiện, tuy nhiên đối với các thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện và xã chưa thật sự giảm thời gian giải quyết theo yêu cầu.

- Một số ngành, địa phương chưa quan tâm đến công tác cải cách hành chính, vẫn còn tình trạng thực hiện theo hình thức.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM

Để tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả CCHC, 06 tháng cuối năm 2019 tập trung vào những nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

1. Tiếp tục triển khai, quán triệt và tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 26/6/2014 của BCH Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng về đẩy mạnh cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng. Quán triệt nghiêm túc các kết luận, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu, tăng cường kỉ luật, kỉ cương hành chính. Chú trọng, nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong việc thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và cải thiện Chỉ số cải cách hành chính cấp huyện.

2. Tiếp tục triển khai một cách toàn diện các nội dung cải cách hành chính theo Chương trình hành động số 02/CTr-UBND ngày 22/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 27/6/2014 của Tỉnh ủy Sóc Trăng về đẩy mạnh cải cách hành chính và Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2016 - 2020 đảm bảo hoàn thành có chất lượng các mục tiêu của Nghị quyết Tỉnh ủy, Chương trình hành động và Kế hoạch Ủy ban nhân dân tỉnh đã đề ra.

3. Triển khai thực hiện Kế hoạch Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII và Kế hoạch số 07-KH/TW ngày 27/11/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII về việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” của huyện theo đúng thời gian và lộ trình đề ra.

4. Rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế hiện có của các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước. Sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh kịp thời chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của các cơ quan hành chính nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng dẫn của Tỉnh, Bộ, ngành, Trung ương. Thực hiện tốt quy định phân công, phân cấp các lĩnh vực quản lý nhà nước.

5. Tiếp tục cải cách TTHC. Rà soát, kiến nghị cắt giảm, đơn giản hoá TTHC liên quan tới người dân, doanh nghiệp; công khai, minh bạch, cập nhật TTHC kịp thời, đúng quy định.

6. Tiếp tục triển khai các nội dung trong Kế hoạch cải cách hành chính của huyện, kế hoạch tuyên truyền của huyện một cách sâu rộng và đồng bộ.

7. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra cải cách hành chính, kiểm tra công vụ... tình hình chấp hành kỉ luật, kỉ cương hành chính, tác phong làm việc, thái độ giao tiếp, ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức và tình hình giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp.

8. Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong công tác cải cách TTHC theo Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 10/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

9. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT vào hoạt động của các cơ quan nhà nước. Chú trọng nâng cấp hạ tầng CNTT, ứng dụng các phần mềm, phát huy hiệu quả các hình thức trao đổi thông tin qua đường điện tử; Tiếp tục triển khai và nâng cao việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước.

Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành báo cáo kết quả thực hiện cải cách hành chính 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2019 đến Sở Nội vụ tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND, UBND huyện;
- Các Phòng, ban ngành huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, NC, CD.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Quốc Thịnh

Thống kê số liệu về công tác kiểm tra thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính
(Kèm theo Báo cáo số 114/BC-UBND, ngày 28/5/2019 của UBND huyện Châu Thành)



STT	Nội dung thống kê	Số đơn vị kiểm tra tổng số cơ quan, đơn vị		Số vấn đề đã phát hiện qua kiểm tra	Số vấn đề phát hiện đã được xử lý	Số vấn đề chưa xử lý xong từ kỳ trước đã được xử lý
		Phòng, ban	UBND cấp xã			
1	Kiểm tra công tác CCHC	0	0	0	0	0
2	Kiểm tra về thực hiện nhiệm vụ phân cấp quản lý nhà nước	0	0	0	0	0
3	Kiểm tra thực hiện việc áp dụng Hệ thống chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001: 2008	0	0	0	0	0
4	Kiểm tra việc theo dõi thi hành pháp luật và xử lý vi phạm hành chính	0	0	0	0	0
5	Kiểm tra một số nội dung khác (theo dõi thi hành pháp luật...)	0	0	0	0	0

**Số liệu về công tác xây dựng và tổ chức thực hiện
văn bản quy phạm pháp luật cấp huyện**

(Kèm theo Báo cáo số 11 /BC-UBND, ngày 28 /5/2019 của UBND huyện Châu Thành)

STT	Nội dung thống kê	Tổng số	Ghi chú
1	Kết quả ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) của HĐND, UBND	0	
-	Số VBQPPL đã được ban hành trong kỳ báo cáo		
-	Số VBQPPL được ban hành đúng tiến độ đã đề ra		
-	Số VBQPPL được ban hành đúng quy trình, thủ tục theo quy định		
2	Kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật	0	
-	Số văn bản đã kiểm tra theo thẩm quyền		
-	Số văn bản phát hiện trái pháp luật		
-	Số văn bản trái pháp luật đã được xử lý		
-	Số văn bản trái pháp luật chưa xử lý xong từ kỳ trước đã được xử lý trong kỳ báo cáo		
3	Rà soát văn bản quy phạm pháp luật	0	
-	Số VBQPPL phải rà soát trong kỳ báo cáo		
-	Số văn bản được đề nghị xử lý sau rà soát		
-	Số văn bản đã được xử lý sau rà soát		
-	Số VBQPPL chưa xử lý xong của kỳ báo cáo trước đã được xử lý		

Thông kê số liệu về công tác kiểm soát TTHC tại các đơn vị, địa phương
 (Kèm theo Báo cáo số 24/BC-UBND, ngày 28/5/2019 của UBND huyện Châu Thành)



STT	Nội dung thống kê	Số liệu thống kê	Ghi chú
1	Kế hoạch rà soát TTHC	Có	
2	Số lượng TTHC đã công khai tại Bảng niêm yết TTHC	269	
-	UBND xã An Ninh	114	
-	UBND xã Hồ Đắc Kiên	114	
-	UBND xã Thiện Mỹ	114	
-	UBND xã Thuận Hòa	114	
-	UBND xã An Hiệp	114	
-	UBND xã Phú Tân	114	
-	UBND xã Phú Tâm	114	
-	UBND TT Châu Thành	114	
3	Số lượng TTHC đã đăng tải công khai trên Cổng thông tin/Trang một cửa điện tử	269	
4	Có thực hiện niêm yết địa chỉ tiếp nhận PAKN	Có	
5	Số lượng ý kiến đã tiếp nhận	-	
6	Số lượng ý kiến đã giải quyết	-	

Thống kê số liệu về số lượng TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của từng cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện và UBND cấp xã
(Kèm theo Báo cáo số 114/BC-UBND, ngày 28/5/2019 của UBND huyện Châu Thành)



STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang	Số TTHC liên thông dọc	
A	TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của UBND cấp huyện	269	0	0	0	269	2	0	2	
I	Văn phòng HĐND và UBND huyện	2	0	0	0	2	0	0	0	
1	Lĩnh vực Tiếp công dân	1	-	-	-	1	-	-	-	
2	Lĩnh vực xử lý đơn	1	-	-	-	1	-	-	-	
II	Phòng Nội vụ	35	0	0	0	35	0	0	0	
3	Lĩnh vực thi đua khen thưởng	8	-	-	-	8	-	-	-	
4	Lĩnh vực tổ chức-biên chế	3	-	-	-	3	-	-	-	
5	Lĩnh vực tổ chức phi chính phủ	16	-	-	-	16	-	-	-	
6	Lĩnh vực tôn giáo	8	-	-	-	8	-	-	-	
III	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	19	0	0	0	19	0	0	0	
7	Lĩnh vực lao động tiền lương, quan hệ lao động	2	-	-	-	2	-	-	-	
8	Lĩnh vực người có công	5	-	-	-	0	-	-	-	
9	Lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội	3	-	-	-	3	-	-	-	
10	Lĩnh vực bảo trợ xã hội	9	-	-	-	9	-	-	-	



STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang	Số TTHC liên thông dọc	
IV	Phòng Tài chính - Kế hoạch	40	0	0	0	40	0	0	0	
11	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	5	-	-	-	5	-	-	-	
12	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hợp tác xã	19	-	-	-	19	-	-	-	
13	Lĩnh vực giá	1	-	-	-	1	-	-	-	
14	Lĩnh vực quản lý tài sản nhà nước	5	-	-	-	5	-	-	-	
15	Lĩnh vực quản lý công sản	2	-	-	-	2	-	-	-	
16	Lĩnh vực đấu thầu	4	-	-	-	4	-	-	-	
17	Lĩnh vực kế toán, kiểm toán	4	-	-	-	4	-	-	-	
V	Phòng Tài nguyên và Môi trường	23	0	0	0	23	0	0	0	
18	Lĩnh vực môi trường	2	-	-	-	2	-	-	-	
19	Lĩnh vực đất đai	15	-	-	-	15	-	-	-	
20	Lĩnh vực Đăng ký giao dịch bảo đảm	6	-	-	-	6	-	-	-	
VI	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	3	0	0	0	3	0	0	0	
21	Lĩnh vực nông nghiệp	2	-	-	-	2	-	-	-	
22	Lĩnh vực thủy sản	1	-	-	-	1	-	-	-	
VII	Phòng Giáo dục và Đào tạo	36	0	0	0	36	0	0	0	
23	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo	36	-	-	-	36	-	-	-	
VIII	Phòng Văn hoá và Thông tin	18	0	0	0	18	0	0	0	
24	Lĩnh vực Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử	4	-	-	-	4	-	-	-	

STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang	Số TTHC liên thông dọc	
25	Lĩnh vực xuất bản, In và Phát hành	2	-	-	-	2	-	-	-	
26	Lĩnh vực thư viện	1	-	-	-	1	-	-	-	
27	Lĩnh vực văn hóa quần chúng, văn hóa dân tộc và	4	-	-	-	4	-	-	-	
28	Lĩnh vực gia đình	6	-	-	-	6	-	-	-	
29	Lĩnh vực viễn thông và Internet	1	-	-	-	1	-	-	-	
IX	Phòng Tư pháp	36	0	0	0	36	0	0	0	
30	Lĩnh vực chứng thực:	12	-	-	-	12	-	-	-	
31	Lĩnh vực hộ tịch:	16	-	-	-	16	-	-	-	
32	Lĩnh vực phổ biến, giáo dục pháp luật	2	-	-	-	2	-	-	-	
33	Lĩnh vực bồi thường nhà nước:	6	-	-	-	6	-	-	-	
X	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	49	0	0	0	49	0	0	0	
34	Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước	12	-	-	-	12	-	-	-	
35	Lĩnh vực đường thủy nội địa	9	-	-	-	9	-	-	-	
36	Lĩnh vực đường bộ	2	-	-	-	2	-	-	-	
37	Lĩnh vực xây dựng	5	-	-	-	5	-	-	-	
38	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao	1	-	-	-	1	-	-	-	
39	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật đô thị	1	-	-	-	1	-	-	-	
40	Lĩnh vực quy hoạch xây dựng	16	-	-	-	16	-	-	-	



STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang	Số TTHC liên thông dọc	
41	Lĩnh vực Kinh doanh khí (khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG))	3	-	-	-	3	-	-	-	
XI	Thanh tra huyện	8	0	0	0	8	2	0	2	
42	Lĩnh vực giải quyết khiếu nại	2	-	-	-	2	-	-	-	
43	Lĩnh vực phòng chống tham nhũng	5	-	-	-	5	-	-	-	
44	Lĩnh vực giải quyết tố cáo	1				1				
B	TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã	114	0	0	0	112	2	0	2	
1	Lĩnh vực Dân số và Kế hoạch hóa gia đình	1	-	-	-	1	-	-	-	
2	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội	8	-	-	-	8	-	-	-	
3	Lĩnh vực Người có công	6	-	-	-	6	-	-	-	
4	Lĩnh vực Thể dục Thể thao	1	-	-	-	1	-	-	-	
5	Lĩnh vực Văn hóa cơ sở	1	-	-	-	1	-	-	-	
6	Lĩnh vực Thư viện	1	-	-	-	1	-	-	-	
7	Lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội	4	-	-	-	4	-	-	-	
8	Lĩnh vực Con nuôi	2	-	-	-	2	-	-	-	
9	Lĩnh vực Hộ tịch	19	-	-	-	17	2	-	2	
10	Lĩnh vực Chứng thực	11	-	-	-	11	-	-	-	
11	Lĩnh vực Hành chính tư pháp	1	-	-	-	1	-	-	-	
12	Lĩnh vực Phổ biến giáo dục pháp luật	2	-	-	-	2	-	-	-	

STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang	Số TTHC liên thông dọc	
13	Lĩnh vực Giải quyết khiếu nại	1	-	-	-	1	-	-	-	
14	Lĩnh vực Giải quyết tố cáo	1	-	-	-	1	-	-	-	
15	Lĩnh vực Tiếp công dân	1	-	-	-	1	-	-	-	
16	Lĩnh vực Xử lý đơn thư	1	-	-	-	1	-	-	-	
17	Lĩnh vực Phòng chống tham nhũng	5	-	-	-	5	-	-	-	
18	Lĩnh vực Bồi thường nhà nước	4	-	-	-	4	-	-	-	
19	Lĩnh vực Đất đai	1	-	-	-	1	-	-	-	
20	Lĩnh vực đường thủy nội địa	9	-	-	-	9	-	-	-	
21	Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật đô thị	1	-	-	-	1	-	-	-	
22	Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn	1	-	-	-	1	-	-	-	
23	Lĩnh vực Môi trường	6	-	-	-	6	-	-	-	
24	Lĩnh vực Phát triển công nghiệp và thương mại địa phương	1	-	-	-	1	-	-	-	
25	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo	5	-	-	-	5	-	-	-	
26	Lĩnh vực Dân tộc	3	-	-	-	3	-	-	-	
27	Lĩnh vực Tôn giáo	10	-	-	-	10	-	-	-	
28	Lĩnh vực Thi đua khen thưởng	5	-	-	-	5	-	-	-	
29	Lĩnh vực Trồng trọt	1	-	-	-	1	-	-	-	
30	Lĩnh vực Bảo vệ thực vật	1	-	-	-	1	-	-	-	
Tổng số = (I) + (II)		383	0	0	0	381	4	0	4	0

CHỖ THAM

Thông kê kết quả tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp
 (Kèm theo Báo cáo số 44/BC-UBND, ngày 28/5/2019 của UBND huyện Châu Thành)



STT	Cơ quan tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC	Số hồ sơ đã tiếp nhận			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
			Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	
1	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện	1,957	-	1,957	1,953	1,947	6	4	4	-	-
2	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã	15,414	-	15,414	15,368	15,338	30	46	46	-	-

Thống kê số liệu về tổ chức bộ máy, biên chế hành chính tại sở ban ngành, UBND cấp huyện

(Kèm theo Báo cáo số 04/BC-UBND, ngày 28/5/2019 của UBND huyện Châu Thành)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng phòng chuyên môn/đơn vị trực thuộc		Số lượng lãnh đạo cấp sở/UBND cấp huyện				Số lượng lãnh đạo cấp phòng và tương đương/UBND cấp xã				Số lượng biên chế hành chính		Thực hiện tình hình biên chế		Ghi chú
		Tổng số	Tăng (+)/giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Tổng số	Tăng (+)/giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại[2]		Tổng số	Tăng (+)/giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại[3]		Tổng số	Tăng (+)/giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Số lượng theo Kế hoạch năm	Đã tình giản	
						Đủ chuẩn	Thiếu chuẩn			Đủ chuẩn	Thiếu chuẩn					
I	UBND cấp huyện	12	-	3	-	3	-	27	-	-	-	87	-	3	2	-
II	UBND cấp xã	-	-	-	-	-	-	18	-	-	-	167	-	-	-	-
1	An Ninh	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	23	-	-	-	-
2	Thuận Hòa	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	18	-	-	-	-
3	Phú Tâm	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	23	-	-	-	-
4	Phú Tân	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	21	-	-	-	-
5	An Hiệp	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	22	-	-	-	-
6	Thiện Mỹ	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	19	-	-	-	-
7	Hồ Đắc Kịch	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	20	-	-	-	-
8	TT Châu Thành	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	21	-	-	-	-
Tổng số = (I) + (II)		12	0	3	0	3	0	45	0	0	0	254	0	3	2	0

**Thông kê số liệu về triển khai chính sách cải cách công chức, công vụ
tại các đơn vị, địa phương**

(Kèm theo Báo cáo số 144/BC-UBND, ngày 28/5/2019 của UBND huyện Châu Thành)



STT	Nội dung thông kê	Số lượng	Ghi chú
1	Số cơ quan hành chính đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của công chức	12	
2	Số đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự chủ đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	-	
3	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã phê duyệt danh mục vị trí việc làm của viên chức	1	
4	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	1	
5	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	1	



Biểu mẫu 9B

Thông kê số liệu về cải cách tài chính công tại UBND huyện

(Kèm theo Báo cáo số 24/BC-UBND, ngày 28/5/2019 của UBND huyện Châu Thành)

STT	Nội dung thống kê	Số lượng đơn vị		Ghi chú
		Tổng số	Tăng (+)/ giảm (-) so với năm trước	
1	Số cơ quan hành chính thuộc và trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý kinh phí hành chính	75	-	
2	Về số lượng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ.	75	-	
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	1	-	
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên	-	-	
-	Số đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	-	-	
-	Số đơn vị được nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	74	-	

Thông kê số liệu về kết quả triển khai dịch vụ bưu chính công ích tại các đơn vị, địa phương

(Kèm theo Báo cáo số 314/BC-UBND, ngày 28/5/2019 của UBND huyện Châu Thành)



STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng TTHC đã công bố triển khai dịch vụ BCCI	Số lượng TTHC có phát sinh sử dụng dịch vụ BCCI trong kỳ báo cáo		Ghi chú
			Số TTHC tiếp nhận	Số TTHC trả kết quả	
1	UBND cấp huyện	-	-	-	
2	UBND cấp xã	-	-	-	
Tổng cộng		-	-	-	



**Thống kê tình hình cập nhật kết quả tiếp nhận và giải quyết
thủ tục hành chính trên phần mềm Một cửa điện tử**

(Kèm theo Báo cáo số 14/BC-UBND, ngày 28/5/2019 của UBND huyện Châu Thành)

STT	Nội dung thống kê	Số lượng			Ghi chú
		Tiếp nhận	Giải quyết đúng hạn	Giải quyết trễ hạn	
Tổng cộng		17,371	16,919	44	
1	Bộ phận Một cửa huyện	1,957	1,944	6	
2	Xã Hồ Đắc Kiện	1,843	1,837	14	
3	Xã Phú Tâm	3,499	3,481	-	
4	Xã An Ninh	1,740	1,700	-	
5	Xã Phú Tân	2,003	1,645	22	
6	Thị trấn Châu Thành	3,485	3,482	-	
7	Xã Thuận Hòa	680	679	-	
8	Xã Thiện Mỹ	1,024	1,013	-	
9	xã An Hiệp	1,140	1,138	2	

**Thông kê số liệu về xây dựng, áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng
theo Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001:2008 tại UBND huyện**

(Kèm theo Báo cáo số 14/BC-UBND, ngày 28/5/2019 của UBND huyện Châu Thành)



STT	Nội dung thống kê	Số liệu thống kê	Ghi chú
I	Xây dựng, áp dụng và công bố hệ thống		
1	Số đơn vị hành chính cấp xã đã công bố áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO	8	
2	Số đơn vị hành chính cấp xã thực hiện đúng quy định trong ISO	8	
II	Duy trì, cải tiến hệ thống	-	
1	Thực hiện công bố lại ISO	-	
2	Thực hiện đánh giá nội bộ	-	
3	Thực hiện xem xét của lãnh đạo đối với hệ thống quản lý chất lượng	-	
4	Cập nhật các thay đổi của văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động xử lý công việc vào Hệ thống quản lý chất lượng	-	
5	Nội dung khác	-	

Thống kê tình hình tiếp nhận và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo
 (Kèm theo Báo cáo số 144/BC-UBND, ngày 28/5/2019 của UBND huyện Châu Thành)



STT	Nội dung thống kê	Số lượng					Ghi chú
		Tiếp nhận			Giải quyết đúng hạn theo quy định	Giải quyết trễ hạn	
		Tổng	Thuộc thẩm quyền	Không thuộc thẩm quyền giải quyết			
1	Cấp huyện	-	-	-	-	-	
2	Cấp xã	-	-	-	-	-	